

Bản án số: 133/2019/HS-PT
Ngày 31 - 10 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Nghĩa**

Các Thẩm phán

: Ông **Trần Hữu Viên**

: Bà **Lâm Vương Mỹ Linh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Gia Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Văn Nhơn** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 132/2019/TLPT-HS ngày 14 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo Lê Hồng T và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo Lê Hồng T, Trần Quốc C và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa đối với bản án hình sự sơ thẩm số 28/2019/HS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

- Các bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

1. Lê Hồng T, sinh ngày 28 tháng 3 năm 1991, tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: Thôn H1, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê T và bà Đặng Thị B; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bị xử phạt 750.000đ về hành vi “Đánh nhau” (theo Quyết định số 86/QĐ-XPVPHC ngày 29/6/2018 của Công an thành phố N); Bị bắt tạm giữ ngày 14/9/2018; Tạm giam ngày 17/9/2018: Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Lê Văn T**, Luật sư Văn phòng luật sư VT, Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa; Địa chỉ: phường N, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa: Có mặt.

2. Trần Quốc C, sinh ngày 23 tháng 6 năm 1988, tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: Thôn P, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Thợ sơn; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc D và bà Trần Thị L; Có vợ và một con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bị xử phạt 02 năm tù về tội “Gây rối trật tự

công cộng” (theo bản án số 18/2007/HS-ST ngày 09/4/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa); Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú: Có mặt.

- *Bị cáo bị kháng nghị: Võ Q*, sinh ngày 05 tháng 7 năm 1995, tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: Thôn Mỹ Thạnh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không- Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Lộc và bà Nguyễn Thị Thúy Hồng; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bị xử phạt 750.000đ về hành vi “Đánh nhau” (Quyết định số 87/QĐ-XPVPHC ngày 29/6/2018 của Công an thành phố Nha Trang); Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú: Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do mâu thuẫn trong quá trình chung sống, Phạm Ngọc D (là vợ của Lê Hồng T) bỏ về nhà cha ruột là ông Phạm L ở thôn Đ, xã T, thị xã N. Sau nhiều lần tìm đến quây phá, gây áp lực nhưng D vẫn không quay lại, T cho là do ông L ngăn cản việc D về sống lại với mình nên nói Võ Q và Trần Quốc C đánh ông L về T sẽ cho tiền. Khoảng 10 giờ 08/7/2018, T thuê xe ô tô do Lê Quang V điều khiển chở T, Q, C từ Nha Trang ra Ninh Hòa. Tới xã Q - Ninh Hòa, cả ba xuống xe nhặt hai khúc gỗ làm hung khí để đánh ông L. Sau đó, T đến gặp bạn là Nguyễn Tấn H mượn xe mô tô rồi giao cho Q, C điều khiển xe đến xã T chờ ông L đến trại vịt cho vịt ăn để đánh ông L, còn T lên ô tô bỏ đi nơi khác tránh mặt. Khoảng 13 giờ cùng ngày, thấy ông L đến trại vịt, Q xông vào ôm, kẹp cổ ông L để C dùng cây gỗ đánh vào tay, chân ông L làm cho ông L bị gãy 1/3 xương trụ phải, gãy 1/3 xương mác phải; Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 13%.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền 22.448.147đ, trong đó Võ Q, Trần Quốc C phải bồi thường – mỗi bị cáo 1.000.000đ, T phải bồi thường 20.448.147đ. Bị cáo Q và C đã bồi thường theo yêu cầu của ông L ngay tại phiên tòa. Bị cáo T tự nguyện bồi thường cho ông L toàn bộ số tiền 26.000.000đ bị cáo đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Chi cục hành án dân sự thị xã Ninh Hòa (theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 21/11/2018 (Bl 308).

Tại bản án sơ thẩm số 28/2019/HS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2019, Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa đã căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134 (viện dẫn điểm a, h, i khoản 1); điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Hồng T 02 năm tù; Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134 (viện dẫn điểm a, h, i khoản 1); điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt Võ Q và Trần Quốc C, mỗi bị cáo 01 năm 06 tháng tù đều về tội “Cố ý gây thương tích”. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và quyết định án phí, quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngày 09 và ngày 15 tháng 7 năm 2019, các bị cáo Lê Hồng T, Trần Quốc C lần lượt có đơn có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt; Trần Quốc C còn kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 15 tháng 7 năm 2019, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa có Quyết định số 314/QĐ-VKS-HS kháng nghị bản án sơ thẩm, đề nghị xét xử phúc thẩm theo hướng tăng hình phạt đối với các bị cáo và không áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với Võ Q, Trần Quốc C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo cho là bản án sơ thẩm kết tội các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng với hành vi các bị cáo đã thực hiện. Bị cáo T cho là trong vụ án này bị hại cũng có lỗi, bị cáo phạm tội do bị bức xúc việc gia đình nên đã không kiểm soát được bản thân. Bị cáo C cho là bị cáo đã tích cực cung cấp thông tin cho Cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm ở một số vụ án trên địa bàn thành phố Nha Trang nên đề nghị xem xét để giảm hình phạt cho bị cáo. Bị cáo Q cho là hình phạt bản án sơ thẩm đã tuyên với bị cáo là phù hợp.

Phát biểu tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Võ Q, Trần Quốc C, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, sửa bản án sơ thẩm theo hướng tăng hình phạt đối với các bị cáo Lê Hồng T, Võ Q, Trần Quốc C.

Người bào chữa cho bị cáo T cho là Cơ quan điều tra đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng (không làm rõ việc phạm tội của bị cáo T do bị kích động về tinh thần và có lỗi của bị hại; Vật chứng cơ quan điều tra thu thập không phải là hung khí các bị cáo sử dụng khi phạm tội) nên đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với tài liệu, chứng cứ do các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thu thập được. Đã đủ cơ sở xác định: Cho là ông L (cha của chị Phạm Ngọc D) ngăn cản việc chị D trở lại sống chung với mình, bị cáo Lê Hồng T đã thuê các bị cáo Võ Q, Trần Quốc C dùng các cây gỗ đánh ông L gây thương tích cho ông L với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 13%. Việc đề nghị hủy án sơ thẩm của người bào chữa cho bị cáo T là không có cơ sở.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm sức khỏe của bị hại và đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”. Các bị cáo đã gây thương tích cho người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc trường hợp dùng hung khí nguy hiểm, thuê gây thương tích hoặc gây thương tích thuê và phạm tội có tính chất côn đồ được quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 và khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Hành vi phạm tội được các bị cáo thực hiện trước ngày 01/01/2018 nhưng hình phạt quy định khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 nhẹ hơn so với tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 nên các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm truy tố, xét xử các bị cáo theo khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 là phù hợp với quy định của khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Việc xem xét các tình tiết: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại, được người bị hại xin giảm hình phạt, các bị cáo Võ Q, Trần Quốc C đã ra đầu thú để áp dụng các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo của Bản án sơ thẩm là có căn cứ. Ngoài các tình tiết trên, ngày 10 tháng 7 năm 2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Khánh Hòa có Văn bản số 312/PC02 thông báo: Trần Quốc C đã có nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc, tích cực giúp đỡ Cơ quan điều tra phát hiện, điều tra tội phạm nhưng bản án sơ thẩm chưa xem xét cho bị cáo tình tiết này. Vì vậy, Trần Quốc C được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ vào nhân thân của các bị cáo, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng với các bị cáo, mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên với các bị cáo là nhẹ, không đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa tội phạm. Vì vậy, kháng nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là có căn cứ, kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Lê Hồng T, Trần Quốc C không có cơ sở để chấp nhận, các bị cáo Lê Hồng T, Trần Quốc C phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 355, Điểm a Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Sửa một phần bản án sơ thẩm:

Căn cứ Điểm đ Khoản 2 Điều 134 (dẫn chiếu điểm a, h, i khoản 1), Điểm b, s Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015,

Xử phạt: - Lê Hồng T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam giữ (14/9/2018);

- Võ Q 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án;

- Trần Quốc C 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án;

2. Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Các bị cáo Lê Hồng T và Trần Quốc C - mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Công an TX NH;
- VKSND TX NH;
- TAND TX NH;
- Chi cục THA DS TX NH;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Vụ GDKT 2;
- Lưu án văn;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Thị Nghĩa

